

Số: 47

Ngày 25/11/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 47 có các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Nghị định 148/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung nội dung quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường như sau: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

➤ Nghị định 149/2024/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí gồm có: Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng kinh doanh vũ khí phải được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ kinh doanh vũ khí; trường hợp tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vũ khí quân dụng phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

➤ Nghị định 152/2024/NĐ-CP bổ sung nội dung quy định về xác minh điều kiện thi hành án như sau: Khi tiến hành xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có thể xác minh thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật; kết quả xác minh là một trong những căn cứ để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

➤ Thực hiện giải đáp pháp luật xoay quanh các quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH KARAOKE, VŨ TRƯỜNG

Ngày 12/11/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 148/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Bổ sung nội dung quy định trách nhiệm chung của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường như sau: Trường hợp tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.

Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường như sau: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke hoặc dịch vụ vũ trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép đủ điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12/11/2024.

2. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VŨ KHÍ

Ngày 15/11/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 149/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Điều kiện kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí gồm có: Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng kinh doanh vũ khí phải được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ kinh doanh vũ khí; trường hợp tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vũ khí quân dụng phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Người quản lý, người có liên quan trực tiếp đến kinh doanh vũ khí phải được huấn luyện về quản lý vũ khí và nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy; kho, nơi cất giữ, phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh phải phù hợp, bảo đảm an toàn về phòng cháy, chữa cháy, ứng phó sự cố và bảo vệ môi trường trong quản lý, bảo quản, vận chuyển vũ khí.

Tổ chức, doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí phải là tổ chức, doanh nghiệp được phép kinh doanh vũ khí và được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí, bao gồm: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu; số quyết định thành lập hoặc số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, nước sản xuất vũ khí; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ; bản sao văn bản được Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí.

Tổ chức, doanh nghiệp được kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí chỉ được kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí theo giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp; vũ khí phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, năm sản xuất đối với từng loại vũ khí.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

3. BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XÁC MINH ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN

Ngày 15/11/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 152/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.

Sửa đổi, bổ sung quy định về trở ngại khách quan như sau:

Trở ngại khách quan là trường hợp: Đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo hoặc phải thực hiện theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; đương sự bị tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức hoặc chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi hình thức, chuyển giao bắt buộc, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật; lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn; các trở ngại khác theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Dân sự.

Bổ sung nội dung quy định về xác minh điều kiện thi hành án như sau: Khi tiến hành xác minh điều kiện thi hành án, Chấp hành viên có thể xác minh thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật; kết quả xác minh là một trong những căn cứ để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự

Bổ sung nội dung về Chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án: Việc ra quyết định chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án đối với tổ chức phải trên cơ sở quyết định của cơ quan có thẩm quyền, phù hợp với pháp luật

về thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan; khi thực hiện chuyển giao quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thu hồi quyết định thi hành án cũ, ra quyết định thi hành án mới tương ứng với phần quyền, nghĩa vụ được chuyển giao và phần quyền chưa được chuyển giao.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

4. KẾ HOẠCH QUỐC GIA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẦM NHÌ ĐẾN NĂM 2050

Ngày 19/11/2024, Chính phủ ban hành Quyết định số 1422/QĐ-TTg về việc Về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định này được ban hành nhằm mục tiêu giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

Để đạt được mục tiêu trên, Chính phủ đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp sau: Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; hoàn thiện thể

chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Cụ thể, giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về thích ứng với; biến đổi khí hậu; thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược và quy hoạch; xây dựng và định kỳ cập nhật báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu theo yêu cầu của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn; sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có theo quy định của pháp luật...

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống tự nhiên nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nước; bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/11/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. HÌNH THỨC TRIỂN KHAI ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ SƯU TẦM TÀI LIỆU ĐẶC BIỆT

Ngày 20/11/2024, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư 12/2024/TT-BVHTTDL quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học bao gồm: Tên định mức; mô tả nội dung công việc: là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm: Định mức hao phí nhân công: chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí; định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí; định mức hao phí vật liệu sử dụng tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí; trị số định mức là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; ghi chú là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau hoặc để hoàn thành một khối lượng

công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm tài liệu đặc biệt được triển khai theo một hoặc nhiều hình thức sau đây: Thu thập trong cộng đồng; mua của tổ chức, cá nhân; tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tặng, cho hoặc chuyển giao; trao đổi giữa các thư viện, giữa thư viện với cơ quan, tổ chức, cá nhân; các phương thức sưu tầm khác.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 05/01/2025.

6. BỘ CÔNG THƯƠNG BAN HÀNH PHƯƠNG PHÁP LẬP KHUNG GIÁ BÁN BUÔN ĐIỆN

Ngày 15/11/2024, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 26/2024/TT-BCT quy định phương pháp lập khung giá bán buôn điện.

Khung giá bán buôn điện là khung giá bán điện bình quân của Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán cho từng Tổng công ty Điện lực chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và được xác định theo mức giá bán buôn điện bình quân tối thiểu và mức giá bán buôn điện bình quân tối đa.

Chi phí phân phối – bán lẻ điện năm dương lịch áp dụng khung giá của tổng công ty Điện lực bằng tổng của: Tổng chi phí vật liệu năm N; tổng chi phí tiền lương năm N; tổng chi phí khấu hao tài sản cố định năm N; tổng chi phí sửa chữa lớn năm N; tổng chi phí dịch vụ mua ngoài năm N; tổng chi phí bằng tiền khác năm N; tổng chi phí tài chính năm N; chi

phí phát triển khách hàng, chăm sóc khách hàng và truyền thông năm N; chi phí công tơ năm N; chi phí tự sản xuất năm N; khoản giảm trừ giá thành bao gồm khoản thu từ cho thuê cột điện, thanh lý nhượng bán vật tư tài sản cố định.

Tài liệu phục vụ tính toán khung giá bán buôn điện điều chỉnh gồm: Tờ trình về việc xây dựng khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N; thuyết minh và các bảng khung giá bán buôn điện điều chỉnh năm N gồm: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản lượng điện thương phẩm, tỷ lệ tổn thất điện năng, tình hình thực hiện doanh thu, các chi phí, lợi nhuận, vốn chủ sở hữu ước thực hiện năm N; thuyết minh và bảng tính các thành phần, chi phí, lợi nhuận của Tổng công ty Điện lực trong khung giá bán buôn điện điều chỉnh theo các hạng mục; các tài liệu, văn bản chứng minh.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 30/12/2024.

7. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TRẠM THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Ngày 14/11/2024, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Thông tư 34/2024/TT-BGTVT quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ.

Chuyển tiền thu tiền sử dụng đường bộ và thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ như sau:

Đối với tiền phí sử dụng đường cao tốc: Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ, đơn vị quản lý thu thực hiện chuyển tiền thu tiền sử dụng đường bộ và thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ theo quy

định của pháp luật về thu phí sử dụng đường cao tốc.

Đối với tiền dịch vụ sử dụng đường bộ: Trên cơ sở số liệu đã thống nhất sau khi thực hiện đối soát doanh thu hàng ngày với đơn vị quản lý thu, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ chuyển toàn bộ số tiền thu sử dụng đường bộ (bao gồm cả thuế GTGT) tại mỗi trạm thu phí cho đơn vị quản lý thu sau khi trừ đi chi phí dịch vụ thu tiền sử dụng đường bộ theo hợp đồng dịch vụ thu. Thời gian chuyển trả theo quy định của pháp luật về thanh toán điện tử giao thông đường bộ; nhà cung cấp dịch vụ thanh toán tiền sử dụng đường bộ có trách nhiệm xây dựng quy trình thực hiện giao dịch thu tiền sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dùng; kê khai và nộp các loại thuế trên phần thu dịch vụ sử dụng đường bộ được hưởng.

Trạm thu phí thực hiện thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ dùng thu trong các trường hợp sau: Hết thời gian thu phí theo hợp đồng dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh hoặc hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng đường cao tốc; khi có quyết định dừng thu phí của cơ quan có thẩm quyền (hoặc của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý công tác thu phí đường bộ); chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

8. 05 TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CƠ BẢN ĐỐI VỚI BỆNH VIỆN TỪ NGÀY 01/01/2025

Ngày 16/11/2024, Bộ Y tế ban hành Thông tư 35/2024/TT-BYT quy định Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện.

Tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện gồm: Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất; tiêu chuẩn về quy mô và cơ cấu tổ chức; tiêu chuẩn về nhân sự; tiêu chuẩn về thiết bị y tế; tiêu chuẩn về chuyên môn.

Việc đánh giá chất lượng cơ bản đối với bệnh viện thực hiện như sau: Thực hiện đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cơ bản một lần một năm; thời gian thực hiện đánh giá trong Quý I của năm liền kề tiếp theo;

Xếp loại đánh giá: Đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ bản: Toàn bộ các tiêu chuẩn đều “Có” trong cột “Kết quả đánh giá”; không đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ bản: có bất kì một tiêu chuẩn “Không” trong cột “Kết quả đánh giá”.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

9. QUY ĐỊNH VỀ GHI THÔNG TIN THUỐC TRONG DANH MỤC

Ngày 16/11/2024, Bộ Y tế ban hành Thông tư 37/2024/TT-BYT quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế.

Quy định về ghi thông tin thuốc trong danh mục như sau:

Thuốc được ghi theo tên hoạt chất theo thứ tự ưu tiên: Tên chung quốc tế (International Non-proprietary Name - viết tắt là INN); tên hoạt chất được cấp phép lưu hành; tên hoạt chất trong hướng dẫn chẩn đoán, điều trị của Bộ Y tế; trường hợp thuốc có tên chung theo nhóm hoạt chất, tên chung hoặc tên khác được ghi chú cụ thể.

Ghi đường dùng; không ghi hàm lượng, không ghi dạng bào chế trừ một số trường hợp cần thiết. Một số trường hợp đặc thù, ghi cụ thể theo cách sử dụng, đường dùng khác của thuốc...

Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong trường hợp chỉ định thuốc phù hợp với chỉ định của một trong các tài liệu sau đây: Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép; tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc của thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu đã được Bộ Y tế cấp phép; hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế; được thư Quốc gia Việt Nam phiên bản mới nhất.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

10. SỬA ĐỔI MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Ngày 20/11/2024, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ra Thông tư 15/2024/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

Sửa đổi trình tự thực hiện kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y tại Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT: Hằng năm, cơ quan kiểm tra căn cứ danh sách cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý để xây dựng kế hoạch kiểm tra; lập dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thành lập đoàn kiểm tra; thông báo đến các cơ sở được kiểm tra; đoàn kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra tại cơ sở, thu thập thông tin và tiến hành đánh giá; trường hợp nghi ngờ chỉ tiêu kiểm tra không đảm bảo vệ sinh thú y thì phải lấy mẫu; cuối cùng, lập biên bản và ban hành Kết luận kết quả kiểm tra vệ sinh thú y.

Thay thế cụm từ tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT: “Chỉ được gia công, chế biến hàng xuất khẩu tại các cơ sở sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu” bằng cụm từ “Chỉ được sơ chế, chế biến hàng gia công, chế biến xuất khẩu tại các cơ sở sản xuất đạt yêu cầu vệ sinh thú y và đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu”.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 06/01/2025.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG ĐỦ TUỔI TÁI CỬ, TÁI BỔ NHIỆM ĐƯỢC NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI HOẶC NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI SẼ NGHỈ HƯU

Đây là một trong những nội dung được Bộ Nội vụ đề xuất tại dự thảo Nghị định quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội nghỉ công tác.

Theo dự thảo, cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên, nếu có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật và được hưởng thêm chế độ: không bị trừ tỷ

lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi quy định; được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho tổng số mười lăm năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội; từ năm thứ mười sáu trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương. Đối với cán bộ xếp lương chức vụ, nếu đã xếp lương bậc 1 của chức danh đảm nhiệm đủ 48 tháng thì được xếp lên bậc 2 của chức danh hiện đảm nhiệm để nghỉ hưu. Đối với cán bộ xếp lương chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, cán bộ xếp bậc lương cuối cùng ở ngạch hiện giữ và còn thiếu từ 01-12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu. Cán bộ đang hưởng bậc lương cuối cùng

hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch hiện giữ (đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên) thì được nâng ngạch không qua thi lên ngạch trên liền kề để nghỉ hưu.

Trường hợp cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm còn dưới 02 năm công tác, nếu không bố trí được vị trí công tác phù hợp và không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì sẽ được nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Trong thời gian này, cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm vẫn thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nơi công tác và được hưởng nguyên mức lương chức vụ hoặc mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng (nếu có). Các chế độ khác như chế độ phục vụ, chế độ điện thoại (nếu có) thôi hưởng từ tháng liền kề sau tháng có quyết định nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu. Căn cứ theo mức lương các khoản phụ cấp và mức chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) được hưởng trên thì thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với cán bộ thuộc diện khi đang công tác được sử dụng thường xuyên xe ô tô con phục vụ công tác, nếu tham gia các cuộc họp, hội nghị hoặc đi khám chữa bệnh thì báo cơ quan nơi công tác để bố trí xe đưa đón; nếu cơ quan không bố trí được xe thì cán bộ tự chủ động phương tiện đi lại và được thanh toán theo quy định hiện hành. Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm thuộc diện nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu không tính vào

biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị...

Toàn văn dự thảo đang được Bộ Nội vụ đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ; đồng thời gửi công văn đến các bộ, ngành, địa phương có liên quan để lấy ý kiến trước khi hoàn thiện dự thảo trình Chính phủ xem xét, ban hành.

2. DỰ THẢO MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ DỊCH VỤ DUY TRÌ HỆ THỐNG KIỂM TRA TRẠNG THÁI CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số.

Dự thảo thông tư này áp dụng đối với các Các tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy; tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc thu, nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số. Người nộp phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký số là tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy.

Dự thảo đề xuất đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng là 3.000 đồng/tháng/ 01 chứng thư chữ ký số công cộng của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp cho thuê bao là tổ chức, doanh nghiệp (không bao gồm cá nhân). Thời gian tính phí từ tháng chứng thư chữ ký số cấp cho thuê bao bắt đầu có hiệu lực hoạt động

đến tháng trước liền kề tháng chứng thư chữ ký số công cộng hết hạn hoặc đến tháng chứng thư chữ ký số công cộng bị tạm ngưng, thu hồi.

Trường hợp chứng thư chữ ký số công cộng có hiệu lực và hết hiệu lực trong cùng tháng thì tính là một tháng. Đối với dịch vụ cấp dấu thời gian là 4.200.000 đồng/tháng/chứng thư chữ ký số cho dịch vụ cấp dấu thời gian do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tin cậy đến tháng trước liền kề tháng chứng thư chữ ký số này hết hạn hoặc đến tháng chứng thư chữ ký số này bị tạm ngưng, thu hồi. Đối với dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu là 4.200.000 đồng/tháng/chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tin cậy. Thời gian tính phí làm tròn từ tháng chứng thư chữ ký số cho dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu được tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia cấp

cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tin cậy đến tháng trước liền kề tháng chứng thư chữ ký số này hết hạn hoặc đến tháng chứng thư chữ ký số này bị tạm ngưng, thu hồi.

Theo đó, tổ chức thu phí được để lại 85% số phí thu được để trang trải chi phí phục vụ công việc, thu phí theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ thì phải nộp toàn bộ tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Xin hỏi, độ tuổi gọi công dân nhập ngũ?

Trả lời: Theo Điều 30 Luật Nghĩa vụ quân sự quy định công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi

nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

2. Hỏi: *Những trường hợp nào được tạm hoãn gọi nhập ngũ?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự và khoản 1 Điều 49 Luật Dân quân tự vệ quy định tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

- Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

- Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

- Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

- Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

- Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

- Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng

hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo;

- Dân quân thường trực.

3. Hỏi: *Những đối tượng nào được miễn gọi nhập ngũ?*

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự quy định miễn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

- Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

- Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

- Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

- Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

4. Hỏi: *Chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ?*

Trả lời: Theo khoản 3 Điều 50 Luật Nghĩa vụ quân sự quy định chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi xuất ngũ như sau:

- Được cấp tiền tàu xe, phụ cấp đi đường, trợ cấp xuất ngũ;

- Trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các

trường thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả, được tiếp nhận vào học ở các trường đó;

- Được trợ cấp tạo việc làm;

- Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì khi xuất ngũ cơ quan, tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm thu nhập không thấp hơn trước khi nhập ngũ; trường hợp cơ quan, tổ chức đó đã giải thể thì cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp có trách nhiệm bố trí việc làm phù hợp;

- Trước khi nhập ngũ đang làm việc tại tổ chức kinh tế thì khi xuất ngũ tổ chức đó phải có trách nhiệm tiếp nhận lại, bố trí việc làm và bảo đảm tiền lương, tiền công tương xứng với vị trí việc làm và tiền lương, tiền công trước khi nhập ngũ; trường hợp tổ chức kinh tế đã chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản thì việc giải quyết chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được thực hiện như đối với người lao động của tổ chức kinh tế đó theo quy định của pháp luật;

- Được giải quyết quyền lợi về bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội;

- Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và khoản 1 Điều 48 của Luật này, khi về địa phương được chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức ưu tiên sắp xếp việc làm và cộng điểm trong tuyển sinh, tuyển dụng công chức, viên chức; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và

phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo./.